TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 365/2024/LĐ-ST
Ngày: 25-01-2024
V/v "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Nguyên Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Tiến Dũng

2/ Bà Nguyễn Thị Hương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Trịnh Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2023/TLST- LĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023, về việc "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7688/2023/QĐXXST-LĐ ngày 08 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 8050/2023/QĐST-LĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1992

Cư trú: Thôn Làng, xã A, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Phú Q, sinh năm 1985

Cư trú: 252/10/15 Quốc lộ 1K, phường M, thành phố N, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Y.

Trụ sở: Lô 71-74, khu chế xuất Linh Trung 1, phường R, thành phố N, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Quốc H, sinh năm 1995

Cư trú: Thôn Làng, xã A, huyện B, tỉnh Quảng Bình (có đơn yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2023 của ông Lê Ngọc T và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Phú Q trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Tháng 05/2011 đến tháng 9/2011, ông Lê Ngọc T có cho ông Lê Quốc H (em ruột) mượn chứng minh nhân dân của ông mang số 194446906 do Công an tỉnh Quảng Bình cấp để ký hợp đồng lao động thời hạn 12 tháng với Công ty trách nhiệm hữu hạn Y và tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm xã hội là 7911220995 mang tên Lê Ngọc T. Lý do ông Lê Quốc H mượn chứng minh nhân dân của ông Lê Ngọc T là do ông Lê Quốc H chưa đủ 18 tuổi để có thể trực tiếp ký hợp đồng lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn Y. Công việc của ông Lê Quốc H khi đi làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Y là công nhân. Ông Lê Quốc H chỉ đi làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Y trong thời gian từ tháng 5/2011 đến tháng 9/2011, sau đó ông H đã nghỉ việc.

Tuy nhiên, trong thời gian từ tháng 5/2011 đến tháng 9/2011, ông Lê Ngọc T đang đi làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Freetrend Industrial (Việt Nam) và tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm là 7910503993, vị trí công nhân viên.

Ngày 22/3/2023, ông Lê Ngọc T đã gửi đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp lao động đến Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Thủ Đức. Tuy nhiên, quá thời hạn 05 ngày làm việc theo quy định của pháp luật nhưng Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Thủ Đức không tiến hành hòa giải.

Tại đơn khởi kiện, ông Lê Ngọc T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Lê Ngọc T và Công ty trách nhiệm hữu hạn Y là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động.

Ngoài ra, ông Lê Ngọc T không có yêu cầu gì khác, không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Về án phí lao động sơ thẩm, ông Lê Ngọc T tự nguyện chịu.

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Y đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quốc H trình bày:

Tháng 5/2011 đến tháng 9/2011 do ông chưa đủ tuổi để ký hợp đồng lao động nên ông có mượn của anh trai ông là ông Lê Ngọc T một bộ hồ sơ xin việc bao gồm chứng minh nhân dân của ông T để nộp vào Công ty trách nhiệm hữu hạn Y. Khi ký hợp đồng lao động với công ty, ông là người ký

nhưng lấy tên là Lê Ngọc T. Sau khi ký hợp đồng lao động ông có làm việc tại công ty 4 tháng rồi tự nghĩ. Hiện nay ông không cung cấp được hợp đồng lao động giữa ông Lê Quốc H và Công ty trách nhiệm hữu hạn Y do đã bị thất lạc. Nay ông đồng ý với yêu cầu của ông Lê Ngọc T, đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Lê Ngọc T và Công ty trách nhiệm hữu hạn Y là vô hiệu.

Tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Phú Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Y đã được Toà án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quốc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử cần rút kinh nghiệm. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết trong khoảng thời gian từ tháng 5/2011 đến tháng 9/2011 giữa người lao động Lê Ngọc T và Công ty trách nhiệm hữu hạn Y vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007). Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí lao động sơ thẩm nguyên đơn tự nguyện chịu nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Ngọc T khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Lê Ngọc T và Công ty trách nhiệm hữu hạn Y vô hiệu thì tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu

hạn Y có trụ sở tại phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa, bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quốc H có đơn yêu cầu vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Về thủ tục hòa giải trước khi khởi kiện: Ngày 22/3/2023, ông Lê Ngọc T đã nộp đơn yêu cầu hòa giải đến phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Thủ Đức để yêu cầu hòa giải nhưng quá hạn 05 ngày làm việc vụ việc không được tiến hành hòa giải cơ sở nên căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 7 Điều 188 Bộ luật lao động năm 2019 ông T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

[1.4] Về việc lựa chọn Bộ luật lao động để áp dụng giải quyết tranh chấp: Các bên tranh chấp hợp đồng lao động trong giai đoạn từ tháng 5/2011 đến tháng 9/2011 nên Bộ luật lao động được áp dụng để giải quyết tranh chấp là Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007)

[1.5] Về thời hiệu khởi kiện: các bên đương sự không yêu cầu áp dụng về thời hiệu nên căn cứ quy định tại Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019, Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án không áp dụng thời hiệu.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng lao động: Ông Lê Ngọc T khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được giao kết giữa ông Lê Ngọc T do ông Lê Quốc H là người trực tiếp lao động và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y là vô hiệu. Tuy nhiên, ông Lê Quốc H không cung cấp được hợp đồng lao động này do đã bị thất lạc. Trong khi đó, bị đơn không đến Tòa nên không cung cấp lời khai và chứng cứ. Căn cứ vào văn bản số 2645/BHXH - TST ngày 19/10/2023 của Bảo hiểm xã hội Thành phố Thủ Đức xác định ông Lê Ngọc T có tham gia bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian tháng 5/2011 đến tháng 9/2011 tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y nên có căn cứ xác định giữa ông Lê Ngọc T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y có giao kết hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng từ tháng 5/2011 đến tháng 9/2011.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ văn bản số 2645/BHXH - TST ngày 19/10/2023 của Bảo hiểm xã hội Thành phố Thủ Đức xác định ông Lê Ngọc T có tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm là 7911220995 trong khoảng thời gian tháng 5/2011 đến tháng 9/2011 tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y và trong thời gian này ông Lê Ngọc T có tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm là

7910503993 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Freetrend Industrial (Việt Nam).

Như vậy có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 5/2011 đến tháng 9/2011 ông Lê Ngọc T cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại 02 doanh nghiệp là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y và Công ty trách nhiệm hữu hạn Freetrend Industrial (Việt Nam). Bị đơn không có ý kiến, trong khi ông Lê Ngọc T, ông Lê Quốc H cùng thống nhất ý kiến trong khoảng thời gian từ tháng 5/2011 đến tháng 9/2011 ông Lê Ngọc T đi làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Freetrend Industrial (Việt Nam) và ông Lê Quốc H mượn chứng minh nhân dân của ông Lê Ngọc T để giao kết hợp đồng và trực tiếp tham gia lao động tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y nên có cơ sở xác định ông Lê Ngọc T không trực tiếp tham gia lao động tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y. Do đó, việc ông Lê Quốc H ký hợp đồng lao động với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y nhưng với tên ông Lê Ngọc T là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007) nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa ông Lê Ngọc T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y là vô hiệu. Do đó, nay ông Lê Ngọc T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Lê Ngọc T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y trong khoảng thời gian tháng 5/2011 đến tháng 9/2011 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động, người lao động trực tiếp tham gia lao động là ông Lê Quốc H trong khi thông tin ký hợp đồng lao động mang tên Lê Ngọc T là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu, ông Lê Ngọc T không yêu cầu nên không giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Lê Ngọc T tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm 300.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 184; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, năm 2006, năm 2007);

Căn cứ khoản 2, khoản 7 Điều 188; Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Ngọc T:

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Lê Ngọc T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y trong khoảng thời gian từ tháng 5/2011 đến tháng 9/2011 là vô hiệu.

Ông Lê Ngọc T được quyền liên hệ Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện việc điều chỉnh thông tin quá trình đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

- Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: ông Lê Ngọc T không yêu cầu nên không giải quyết.

2/ Án phí lao động sơ thẩm: Ông Lê Ngọc T tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) ông Lê Ngọc T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0002856 ngày 12/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Ông Lê Ngọc T đã nộp đủ án phí lao động sơ thẩm.

3/ Về quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Nguyên Hà